

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1/ Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Mua sắm trang phục Dân quân tự vệ và công cụ hỗ trợ
- Tên dự toán: Mua sắm trang phục Dân quân tự vệ và công cụ hỗ trợ năm 2026
- Địa điểm thực hiện: Tại kho của Bộ CHQS tỉnh Cà Mau
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

1.2/ Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung:

- Nhà thầu phải đáp ứng đầy đủ, toàn bộ và không điều kiện các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V này. Các yêu cầu tại Chương V là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở loại E-HSĐT nếu E-HSĐT không đáp ứng. Nhà thầu phải trình bày rõ ràng, đầy đủ, thống nhất và có tài liệu chứng minh trong E-HSĐT. Mọi trường hợp thiếu, không rõ ràng, ghi chung chung, dự kiến, ghi cam kết sẽ thực hiện sau, ghi cam kết đáp ứng tất cả các yêu cầu của E-HSMT hoặc thông số kỹ thuật của E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu tối thiểu với thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị/hàng hoá trong E-HSMT đều được đánh giá là không đạt và Nhà thầu sẽ không có cơ sở để được làm rõ bổ sung do sẽ dẫn đến thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp. *(Không chấp nhận: Giải pháp mang tính đề xuất chung chung, không có thuyết minh chi tiết; Dẫn chiếu tài liệu bên ngoài nhưng không nộp kèm trong E-HSĐT; Cam kết sẽ bổ sung sau, làm rõ sau, hoàn thiện sau khi đóng thầu. E-HSĐT không đáp ứng bất kỳ nội dung bắt buộc nào trong Chương V sẽ bị đánh giá là Không đạt, không được phép làm rõ để bổ sung theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu)*

- Nhà thầu chào hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, nêu rõ ký, mã hiệu, hãng sản xuất của hàng hóa cung cấp, có đầy đủ hồ sơ tài liệu liên quan để chứng minh theo yêu cầu của E-HSMT

- Tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa, thiết bị (không bắt buộc đối với hàng hóa được sản xuất trong nước, phần mềm) do cơ quan có thẩm quyền cấp (gọi tắt là "C/O").

- Toàn bộ hàng hoá cung cấp cho gói thầu phải mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2026; được may cẩn thận, chắc chắn, đường chỉ may và vắt sổ riêng biệt, đường may thẳng, đẹp, không nổi chỉ, không bỏ mũi, sử dụng các phụ kiện (cúc, chun, chỉ may ...) có độ bền cao, chịu được hoá chất giặt đồ vải và nhiệt độ, không bị mủn, mục, biến dạng. Quy cách may đo đáp ứng quy định của Bộ Quốc phòng .

- Đóng gói, vận chuyển lưu kho: Sản phẩm hoàn thiện phải được đóng gói riêng biệt theo từng loại, ghi rõ tên sản phẩm theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Hàng hoá phải được bảo vệ một cách thích hợp chống các hư hỏng có thể xảy ra khi vận chuyển, lưu kho từ nơi sản xuất đến bên mua.

- Nhà thầu có cam kết thu hồi và thay thế lại hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền do lỗi liên quan đến chất lượng

Cam kết cung cấp giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng, các chứng chỉ, chứng nhận cần thiết đối

với hàng hóa và dịch vụ cung cấp như: Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (mã hiệu, hãng sản xuất, năm sản xuất), các thông số kỹ thuật,... (Gồm hồ sơ giấy tờ về nguồn gốc xuất xứ, tính hợp lệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan).

- Trong mọi trường hợp, nếu xảy ra tranh chấp về bản quyền liên quan đến hàng hóa của gói thầu thì nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, bao gồm bồi thường các thiệt hại xảy ra do tranh chấp gây ra.

- Yêu cầu về tính năng thông số kỹ thuật của hàng hóa: Nhà thầu phải chào đầy đủ thông tin về tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng đúng các yêu cầu của hàng hóa như mô tả tại Khoản b Mục 1.2 Chương V - YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT (Các tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa phải được thể hiện trên Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật có xác nhận của hãng sản xuất. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, văn bản và catalog của hãng sản xuất. Nếu gian lận, vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật).

- Trong mọi trường hợp, nếu E-HSĐT của nhà thầu cung cấp thông tin, tài liệu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, không trung thực thì E-HSĐT của nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Nếu Nhà thầu cố tình sử dụng hàng hóa của nước ngoài và kê khai, gắn nhãn, mác xuất xứ Việt Nam trái quy định của pháp luật để tham dự thầu, ngoài việc bị xử lý theo các quy định hiện hành về đấu thầu còn bị xem xét chuyển vụ việc sang cơ quan chức năng có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật về sản xuất, cung cấp, buôn bán hàng giả, hàng nhái.

b. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

| Hạng mục số | Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan | Yêu cầu về cấu hình thông số kỹ thuật |
|-------------|--------------------------------|---|
| 1 | Mũ cứng | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Mũ phải cân đối, mặt vải căng phẳng, không méo lệch, không dây vết keo ó bần. Lòng mũ không rạn, nứt, sơn bóng đều và phẳng. Bộ quai, cầu lắp cân đối, chắc. Ô dê đầu, hông, má cầu tán chắc, chân cuộn đều. Vành mũ cuộn đều, không nở, sứt, bẹp. Các đường may phải may lại mũi chỉ. Không dùng chất bảo quản mũ có hại đến sức khỏe người sử dụng. - Má cầu: Nguyên liệu nhựa PE (LDPE) màu xanh, chiều dày (1,4 ± 0,1) mm; - Vành cầu: Nguyên liệu bằng vải bạt Cotton trắng nhựa PVC, dệt thoi vân điểm; vải sườn màu xanh ánh vàng; Chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.15 Phụ lục B; - Quai mũ: Nguyên liệu bằng da bò màu nâu sẫm, chiều dày 2 mm, bản rộng 13 mm, lực kéo đứt không nhỏ hơn 200 N; - Ô dê: Nguyên liệu nhôm dẻo, chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.16 Phụ lục B; - Cốt mũ: Nguyên liệu Xellulo (bột gỗ bồ đề), khối lượng từ 200 gam/cốt đến 210 gam/cốt, độ dày 2,5 mm, số vòng cuộn mép tối thiểu; 1,5 vòng; đường kính vành; 8 mm; độ nghiêng bột từ 10° SR đến 12° SR; |

| | | |
|---|-----------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Chôm mũ: Quả, tán sen bằng nguyên liệu nhôm dẻo AL 99, chiều dày (0,6 ± 0,1) mm; - Bulông, đai ốc: Nguyên liệu thép mạ kẽm; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B. - Sơn: Nguyên liệu sơn Alkis, màu xanh ánh vàng. - Các đường may: Mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ; <p>Các đường may phải đảm bảo 5 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm.</p> |
| 2 | Mũ mềm | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Loại mũ lưỡi trai, thành đứng, dây đai mũ đính khuy bọc ở hai đầu, hai bên thành mũ có tán 6 ô dê nhôm dẻo, phía trước ở giữa thành trán có tán một ô dê để đeo sao. Bên trong lưỡi trai được dựng bằng nhựa PVC cứng, phía trong thành mũ có lớp vải tráng nhựa được lót xung quanh. Phía sau thành mũ có khóa nhựa tăng giảm (hoặc nhám dính) để điều chỉnh độ rộng hẹp của vòng đầu. - Mũ mềm được sản xuất bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm. Vải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B; - Ô dê: Nguyên liệu nhôm dẻo, chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.16 Phụ lục B; - Nhựa nguyên chất dùng làm cốt lưỡi trai được quy định tại Bảng B.9 Phụ lục B; <p>Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.</p> |
| 3 | Quần, áo cán bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; <p>Áo hè (nam):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu áo ngắn tay, cổ đứng, nẹp áo có 6 cúc nhựa đường kính 15 mm; thân trước có 2 túi ốp nổi có nắp gắn nhám dính. Thân trước từ túi trên có đề cúp để làm thành hai túi dọc theo thân trước. Vai áo có bật vai đính cúc. Tay áo bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ. Thân sau có cầu vai, phần thân dưới 3 mảnh có xẻ 2 bên. - Áo được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B; - Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B- Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6 <p style="text-align: center;">Quần hè (nam):</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểu quần âu dài, thân trước có 1 ly lật ra phía dọc, có 2 túi chéo. Thân sau chiết ly, có 1 túi hậu. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya. Cạp quần được dựng ép mex, có 6 dây để luồn dây lưng (dây vắt xăng), đầu cạp cài cúc, bên trong có móc.- Quần được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;- Vải lót Kate cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B;- Quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. <p style="text-align: center;">Áo hè (nữ):</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểu áo sơ mi cổ chữ K ngắn tay; thân trước chiết ly, nẹp cài 5 cúc, phía dưới có 2 túi coi viền có nắp; cửa tay may gập vào trong, thân sau có sống sau xẻ phía dưới, tay bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ- Áo được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B- Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. <p style="text-align: center;">Quần hè (nữ)</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểu quần âu dài, thân trước có 1 ly lật ra phía dọc, có 2 túi chéo, thân sau chiết ly. Cạp quần được dựng ép mex, cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya, đầu cạp cài cúc bên trong có móc- Quần được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;- Vải lót Kate dùng làm lót túi cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; |
|--|--|

| | | |
|--------------------------------------|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B; - Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B <p>Quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5.</p> |
| <p style="text-align: center;">4</p> | <p style="text-align: center;">Quần áo chiến sỹ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; <li style="padding-left: 20px;">Áo chiến sỹ (nam): - Kiểu áo bo đai dài tay cổ đứng. Nẹp áo (bên thừa khuyết) có đáp rời thừa 5 khuyết cài cúc ngầm. Thân trước có 2 túi hộp ốp nổi, đáy túi và nắp túi vuông; nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính; vai áo có cá vai. Thân sau có cầu vai xếp ly hai bên. Đai áo liền, 2 bên sườn có cá điều chỉnh tăng giảm bằng nhám dính; đầu đai áo có gắn nhám dính. Tay dài có măng séc vuông, hai đầu măng séc có gắn nhám dính. Tay bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ. - Áo được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B; - Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B - Áo chiến sỹ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. <li style="padding-left: 20px;">Quần chiến sỹ (nam): - Kiểu quần âu dài có 2 túi chéo, thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya. Thân sau chiết ly, có 1 túi hậu; đầu cạp cài cúc, bên trong có móc; cạp quần có 6 dây để luồn dây lưng. Hai bên cạp quần có nhám điều chỉnh tăng giảm vòng bụng. Hai bên đùi có túi ốp nổi nắp, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính; thân túi có xúp quay về dọc quần, xúp cạnh túi may can bằng hai lớp vải màn tuyen. Gấu quần có dính cúc bên dọc quần và dây khuyết bên giàng - Quần được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B; - Vải Kate dùng làm lót túi cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B; - Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B - Quần chiến sỹ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6 <li style="padding-left: 20px;">Áo chiến sỹ (nữ): - Kiểu áo sơ mi dài tay cổ đứng, thân trước chiết ly (bên thừa khuyết có đáp rời có 5 khuyết cài cúc ngầm). Thân trước có 2 túi hộp ốp nổi có nắp, đáy túi và |

| | | |
|---|----------|--|
| | | <p>nắp túi vuông, nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính, chiết ly eo. Tay dài có xẻ cửa tay, măng séc vuông, hai đầu măng séc có gắn nhám dính. Vai áo có cá vai. Tay bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B; - Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B - Áo chiến sĩ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. <p style="text-align: center;">Quần chiến sĩ (nữ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu quần âu dài có 2 túi chéo, thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya, thân sau mỗi bên chiết một ly; đầu cạp cài cúc, bên trong có móc; cạp quần có 6 dây để luồn dây lưng. Hai bên cạp quần có nhám điều chỉnh tăng giảm vòng bụng. Hai bên đùi có túi ốp nổi, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính; thân túi có xúp quay về dọc quần, xúp cạnh túi may can bằng hai lớp vải màn tuyn. Gấu quần có dính cúc bên dọc quần và dây khuyết bên giàng - Quần được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B; - Vải Kate dùng làm lót túi cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B; - Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B <p>Quần chiến sĩ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5</p> |
| 5 | Dây lưng | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Dây lưng gồm cốt dây và khóa; - Cốt dây: <ul style="list-style-type: none"> + Mặt ngoài dây: Màu nâu đỏ, màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn, bóng không sần sùi hoặc tách lớp; + Mặt trong dây: Màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn hoặc nổi hoa mịn; + Cạnh dây được vuốt tròn, đuôi dây cắt tròn và vuốt cạnh. - Khóa: Bề mặt khóa nhẵn bóng, ngôi sao dập nổi trên khóa phải cân đối các cánh rõ nét; đường viền sắc nét, gọn, dập sâu đồng đều; các mép, cạnh và lỗ gia công phải làm nhẵn, không còn ba vĩa - Cốt dây được sản xuất từ nguyên liệu nhựa PVC và chất màu, chất phụ gia. Cốt dây có lớp vải màn chịu lực nằm giữa 2 lớp nhựa. Cốt dây nối với bản lề bằng 2 đinh nhôm (đường kính thân: 2,5 mm) tán ri về đường kính mũ tán: Từ 3 mm đến 3,2 mm, mũ tán tròn đều, không méo, lệch thân, đinh không vẹo; |

| | | |
|---|-------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Khóa dây kiểu con lăn tăng giảm vô cấp, khóa được chế tạo từ thép không gỉ, trên mặt khóa dập nổi ngôi sao ở giữa, xung quang dập đường viền chìm; <p>Vòng giữ dây thừa (nhôi vòng) được nối đầu bằng đồng</p> |
| 6 | Bít tất | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Bít tất không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan nằm trong phạm vi cho phép. Không có các lỗi ngoại quan như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Lỗi về sợi: Sợi không đều, sợi khác lẫn vào; + Lỗi về cấu trúc: Sốt sợi, thùng lỗ, vết lằn, đường sọc vải, gút sợi; + Lỗi nhuộm: Đóm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi khác; + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên lệch, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách; + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang do ẩm, các lỗi khác. - Bít tất màu xanh cô ban sẫm - Bít tất được dệt từ sợi Cotton/acrylic 70/30, sợi Polyamit 100 % và sợi Spandex (lycra), trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Gót chân và mũi chân của bít tất được dệt từ sợi Polyamit 100 %; + Toàn bộ phần còn lại của bít tất được dệt bằng sợi Cotton/acrylic 70/30, sợi Spandex (lycra); + Các loại sợi phải đảm bảo các chỉ tiêu được quy định tại Bảng B.10 Phụ lục B. <p>Phần mu bàn chân và ống chân dệt kiểu Rib 2/2; phần cổ chun dệt kiểu Rib 1/1; phần gan bàn chân, gót, mũi chân và phần ống thêu dệt kiểu Single</p> |
| 7 | Giày da đen | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; <p style="text-align: center;">Giày da đen (nam):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giày da đen nam phải cân đối, hài hòa, phẳng phiu, không nhăn, vụn, đảm bảo hình dáng; - Giày da đen nam là kiểu giày kiểu Decby, mũi tròn, buộc dây có vân ngang được làm từ da bò boxcal màu đen, nhuộm xuyên, mềm. Lót các chi tiết hậu, suốt, nẹp ô dê bằng da lợn màu vàng, lót mũi bằng vải bạt 3. Nẹp ô dê có các cặp ô dê sơn màu đen; - Đế, gót và đế liền theo từng cỡ số; đế giày đúc nổi tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất; mặt đế có hoa văn chống trơn; - Các đường may phải đảm bảo mật độ. Các mũi chỉ phải đều đặn không bỏ mũi, sùi chỉ, không sên, tuột chỉ; - Các chi tiết da cắt lã, mép cắt không sorn cạnh và được xử lý bằng xi đen hoặc dung dịch xử lý chuyên dùng; - Chân gò tối thiểu 15 mm, độn phẳng phần bụng giày; - Kết cấu giữa đế giày và mũi giày phải cân đối, chắc chắn, không hở giữa phần đế và phần mũi, không mất đường diều ở quanh phần mép đế giày |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Da mũ giày: Da bò Nappa màu đen, độ dày và độ bóng đồng đều; - Da lót: Nhấn một mặt, mềm, độ dày đồng đều; - Da mặt đế: Loại da thuộc màu tự nhiên, da đánh, dẻo, thuộc chín hoàn toàn, mặt cắt nhẵn, không dòn, gãy, không mất cắt, thủng; - Chỉ tiêu kỹ thuật da được quy định tại Bảng B.14 Phụ lục B; - Pho mũi - hậu: Loại pho công nghiệp chuyên dùng, chiều dày (1,5 ± 0,2) cm; - Độn sắt: Bằng sắt lập là (loại chuyên dùng), độn từ gót đến phần bụng giày, được uốn theo chiều cong mặt phom của phần bụng đế giày, chiều rộng từ 15 mm đến 17 mm, chiều dày từ 1 mm đến 1,2 mm; - Đế bằng cao su nhựa tổng hợp (TPR) đúc định hình màu đen, gót bằng nhựa ABS. Chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.17 Phụ lục B; - Chỉ may: Loại sợi Polyester 20/3 màu đen, lực kéo đứt không nhỏ hơn 20 N; chỉ khâu hút loại sợi Polyester xe 3, lực kéo đứt không nhỏ hơn 200 N; - Vải lót may mũ giày: Gồm vải bạt 3 sợi 83/17 màu ôliu; vải lót Gilét là vải phin 3925, chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.18 Phụ lục B; - Ô dê: Nhôm dẻo, sơn màu đen; đường kính vành ngoài (8 ± 0,1) mm; đường kính ống: (3,8 ± 0,1) mm; độ dày (0,5 ± 0,1) mm - Giày da đen nam gồm 7 cỡ: Từ 37 đến 43. <p style="text-align: center;">Giày da đen (nữ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giày da đen nữ phải cân đối, hài hòa, phẳng phiu không nhăn, vụn, đảm bảo hình dáng; - Mũ giày: Kiểu Oxford thấp cổ, bu tron, độ dày đồng đều, màu đen, nhuộm xuyên, mềm, vân da mịn. Lót các chi tiết: Bu, hậu, suốt, lưới gà, nẹp ô dê, màu nâu đậm, mềm, độ dày đồng đều. Nẹp có 4 cặp ô dê buộc dây cố định; - Đế, gót và điều liền theo từng cỡ số; đế giày đúc nổi tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất; mặt đế có hoa văn chống trơn; - Các đường may phải đảm bảo mật độ. Các mũi chỉ phải đều đặn không bỏ mũi, sùi chỉ, không sên, tuột chỉ; - Các chi tiết da cắt la, mép cắt không sòn cạnh và được xử lý bằng xi đen hoặc dung dịch xử lý chuyên dùng; - Chân gò tối thiểu 15 mm, độn phẳng phần bụng giày; - Kết cấu giữa đế giày và mũ giày phải cân đối, chắc chắn, không hở giữa phần đế và phần mũ, không mất đường điều ở quanh phần mép đế giày - Da mũ giày: Da bò Nappa màu đen, độ dày và độ bóng đồng đều; - Da lót: Nhấn một mặt, mềm, độ dày đồng đều; - Da mặt đế: Loại da thuộc màu tự nhiên, da đánh, dẻo, thuộc chín hoàn toàn, mặt cắt nhẵn, không dòn, gãy, không mất cắt, thủng; - Chỉ tiêu kỹ thuật da được quy định tại Bảng B.14 Phụ lục B; - Đế bằng cao su nhựa tổng hợp (TPR) đúc định hình màu đen, gót bằng nhựa ABS. Chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.19 Phụ lục B; - Mặt đế trong (boong nhe): Bằng chất liệu định hình có lớp màng tăng cường độ bám dính chân gò, độn sắt được cố định theo làn phom; - Pho mũi - hậu: Loại pho công nghiệp chuyên dùng: Chiều dày mũi: (1,3 ± 0,1) mm; |
|--|--|

| | | |
|---|------------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Độn sắt: Bằng sắt lập là (loại chuyên dùng), độn từ gót đến phần bụng giày, được uốn theo phom giày; chiều rộng từ 15 mm đến 17 mm; độ dày từ 1 mm đến 1,2 mm; - Chỉ may loại sợi Polyester 20/2, chỉ may ngoài màu đen, chỉ may trong cùng màu da lót; lực kéo đứt không nhỏ hơn 20 N; - Ô dê: Loại nhôm dẻo, sơn màu đen; đường kính vành ngoài ($8 \pm 0,1$) mm, đường kính ống ($3,8 \pm 0,1$) mm, độ dày ($0,5 \pm 0,1$) m <p>Giày da đen nữ gồm 7 cỡ: Từ 35 đến 41</p> |
| 8 | Giày vải cao cổ | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Đôi giày phải cân đối, không vẹo lệch, phẳng, không nhăn, vụn, dóm; - Mũ giày: Không dây bản, dính dầu mỡ, sần, rách. Vải cán lót không được bong, rộp. Đường may đều, đúng khoảng cách, đường may pho hậu lượn tròn đều, cuối các đường may phải may chặn lại mũi, không được bỏ mũi, đứt, sùi chỉ, không sênh tuột chỉ. Ô dê tán tròn, cuộn đều; - Bề mặt cao su bóng lì, không phồng rộp, sạn, không thiếu khuyết cao su ở hoa, bím. Mép bím cao su - vải không được bong mép. Lót tẩy dán bồi lớp vải với EVA dày 3 mm; không hở giữa phần đế và phần vải mũ - Vải may mũ giày bằng vải bạt Peco màu xanh cô ban, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.11 Phụ lục B; vải lót và vải may si tẩy bằng vải chéo mộc; - Băng viền mũ giày (viền cổ, nẹp ô dê) bằng vải chuyên dùng, sợi Polyester màu xanh cô ban dệt vân chéo đối; chiều rộng 15 mm, chiều dày ($0,8 \pm 0,1$) mm; lực kéo đứt nguyên bản không nhỏ hơn 500 N; - Đế cao, độ liên kết cao su bím - vải; vải - vải, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.12 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 76/6 cùng màu với vải bạt Peco; - Ô dê nhôm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.13 Phụ lục B; - Dây buộc giày đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.20 Phụ lục B <p>Giày vải cao cổ gồm có 8 cỡ: Từ cỡ 37 đến cỡ 44.</p> |
| 9 | Áo, quần đi mưa cán bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Áo kiểu mở ngực có khóa fecmotuya cài suốt, hai bên nẹp có đấp nẹp được tán cúc đồng. Ngang eo bên trong may đấp để luồn dây điều chỉnh. Áo có mũ rời, miệng mũ có dây rút. Thân trước có túi dán ngoài, có nắp. Nắp túi và miệng túi được gắn nhám dính. Thân sau có đê cúp, bên trong có lót lưới. Tay áo zaclan, súp cửa tay được may chun, mũ rời được cài vào áo bằng cúc đồng; - Quần cạp chun, gấu quần có tán cúc đồng phía dưới gấu của hai ống quần. |

| | | |
|----|------------------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quần, áo đi mưa được may bằng màng PVC màu xanh cô ban, có độ dày: Từ 0,12 mm đến 0,14 mm; - Cúc dập bằng đồng có đường kính 1,4 cm; - Chun cạp quần chiều rộng 4 cm; - Chun súp cửa tay chiều rộng 1 cm; - Khóa fecmotuya nẹp áo loại răng 5, răng cá sấu, cùng màu với nguyên liệu chính; - Chỉ may Peco 50/3 cùng màu với nguyên liệu chính; - Dây mũ đường kính 0,6 cm, cùng màu với nguyên liệu chính; - Chốt nhựa chặn dây mũ, dây điều chỉnh ngang eo, hình tròn; - Băng dán chống thấm chuyên dùng bản to 2 cm; - Nhám dính bản rộng 2,5 cm cùng màu với nguyên liệu chính; - Dụng lót lõi trai bằng 2 lớp vải bạt Peco màu rêu <p>Quần, áo đi mưa gồm các cỡ 3; 4 và 5</p> |
| 10 | Áo mưa chiến sĩ | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Áo mưa chiến sĩ được sản xuất theo từng tấm hình chữ nhật. Thành phẩm tấm áo mưa có hình dáng cân đối, không bai, vụn - Áo mưa chiến sĩ hình chữ nhật được sản xuất bằng màng PVC màu xanh cô ban; chiều dày màng PVC: Từ 0,12 mm đến 0,14 mm. <p>Thông số kích thước cơ bản của áo mưa chiến sĩ (<i>chiều dài x chiều rộng</i>): 220 cm x 160 cm (± 2 cm).</p> |
| 11 | Màn đơn Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Màn tuyen đơn có hình chữ nhật; - Vải may màn tuyen đơn phải đảm bảo các yêu cầu về ngoại quan, không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan nằm trong phạm vi cho phép; không bị các lỗi ngoại quan như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Lỗi về sợi: Sợi không đều (dày, mỏng), bị xù lông, vón cục, đứt xơ sợi, sợi khác lẫn vào; + Lỗi về cấu trúc: Sốt sợi, vết lằn, đường sọc vải, hoa kim, sọc kim; + Lỗi nhuộm: Đốm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi nhuộm khác; + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách; + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang do ẩm, các lỗi khác. - Màn tuyen đơn dạng thành phẩm phải đảm bảo hình dáng cân đối, các góc phải vuông, các cạnh phải song song và bằng nhau, đường may thẳng, đều; - Màu sắc của vải: Màu xanh cô ban đậm |

| | | |
|----|--------------------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Vải may màn tuyn đơn dân quân thường trực được làm từ sợi Polyester (PET) 100 % dạng filamang, dệt lưới, được xử lý nhuộm màu bằng thuốc nhuộm phân tán, hoàn tất, phòng co; đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.21 Phụ lục B; <p>Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.</p> |
| 12 | Chăn đơn Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Vỏ chăn: Hình chữ nhật, các góc và giữa Chiều dài vỏ chăn bên trong có 6 dây buộc, miệng chăn đính 3 cúc nhựa đường kính 15 mm, khuyết thùa vào đáp trong miệng chăn, cúc đính trên đáp ngoài quay vào lần trái vải tương ứng với vị trí tâm khuyết; - Ruột chăn: Hình chữ nhật, bên ngoài là túi vải xô màn, bên trong là màng bông xơ pốp, 4 góc và giữa hai cạnh dài có 6 dây buộc. Ruột chăn được trần trên thiết bị chuyên dùng đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật; - Màu sắc: <ul style="list-style-type: none"> + Vỏ chăn: Màu xanh cô ban sẫm; + Ruột chăn: Màu trắng - Vỏ chăn đơn dân quân thường trực được may bằng vải phin màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.22 Phụ lục B; - Ruột chăn được làm từ xơ Polyester (PET) 100 %, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.23 Phụ lục B; - Vải xoa được làm từ sợi Polyester 100 %, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.24 Phụ lục B; <p>Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.</p> |
| 13 | Chiếu cói Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Chiếu cói phải đảm bảo các yêu cầu về ngoại quan, không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan nằm trong phạm vi cho phép. Cụ thể không bị các lỗi ngoại quan như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Lỗi về sợi: Sợi cói không trắng đều, bị sâu, mốc, sợi khác lẫn vào; + Lỗi về cấu trúc: Thủng lỗ; + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn. - Mặt phẳng chiếu kín đều, mịn, giữa các sợi ngang và sợi dọc phân bố đều theo mật độ song song. Không có sợi nổi sần lên bề mặt ngoài, các sợi cói phải sát nhau không để hở sợi dọc; - Mối nối sợi dọc trên cùng một chiếc chiếu phải so le với nhau và ghim dấu kín dưới sợi cói, êm phẳng mặt chiếu. Bốn sợi dọc được se vào nhau và ghim cài đầu chiết sâu ($8 \pm 0,5$) cm; |

| | | |
|----|---------------------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Đường biên của chiếu phải thẳng và có hai sợi Peco, sợi cói khi dệt phải đảm bảo cách một sợi có một đường biên cài ghim; - Bốn cạnh chiếu (mép chiếu) phải là một hình chữ nhật, không xiên lệch, cong vênh - Chiếu cói đơn dân quân thường trực được dệt bằng máy từ sợi ngang là sợi cói và sợi dọc là sợi Peco; sợi Peco được kết hợp từ xơ Polyester với xơ Cotton theo tỷ lệ 83/17; sợi Peco se sẵn có đường kính đồng đều; - Sợi cói phải được chẻ đôi, Chiều dài sợi phải đảm bảo đủ chiều rộng của chiếu và tạo biên rõ ràng, chất lượng của cói phải tốt (cói phải trắng đều, khô, không bị sâu mốc, gãy, mục nát); <p>Tuyệt đối không được sử dụng hóa chất độc hại để hấp chiếu, in chữ.</p> |
| 14 | Đệm giường Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Vỏ đệm có hình hộp chữ nhật được chia làm 3 ngăn đều nhau, mỗi ngăn có miệng gắn khóa nhựa fecmotuya ở các ngăn; - Ruột đệm làm bằng tấm màng xơ Polyester được ép liên kết thành khối. Mỗi đệm có 3 tấm ruột đệm có kích thước bằng nhau. Ruột đệm được lồng trong vỏ đệm; - Màu sắc: Vỏ đệm màu xanh cô ban sẫm, ruột đệm màu trắng - Vải may vỏ đệm giường là vải chéo được sản xuất từ Polyester pha với sợi Cotton đã qua xử lý nhuộm màu, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.25 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B; - Bông xơ Polyester màu trắng cấp 8-9/12 cấp, chiều dày không nhỏ hơn 5 cm, bông không ó bản, ngấm nước, tạp chất và hóa chất; bông được dàn đều thành màng liền khối, không lẫn tạp chất, hóa chất độc hại, đảm bảo về độ liên kết; <p>Khóa nhựa fecmotuya chuyên dùng cùng màu với nguyên liệu chính; bản rộng răng khóa 5 mm.</p> |
| 15 | Gối Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Gối dân quân thường trực có hình chữ nhật, cấu tạo gồm vỏ gối và ruột gối, vỏ gối có diềm xung quanh, miệng vỏ gối mở ngang có đính 2 cúc nhựa, góc vỏ gối có lỗ khuyết để chứa van hơi. Vỏ gối may bằng vải Popelin Pevi màu xanh cô ban sẫm. Ruột gối: Mút xóp được bọc một lớp màng mỏng PVC, lớp ngoài cùng bằng vải Vinylon tráng nhựa PVC, dán mép xung quanh, góc ruột gối có van bơm hơi - Vỏ gối được may bằng vải Popelin Pevi 7288 được sản xuất từ xơ Polyeste (PET) pha với xơ Viscose (Vis) theo tỷ lệ 65/35, vải mộc nhuộm màu xanh cô ban, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.26 Phụ lục B; |

| | | |
|----|----------------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Bao ruột gói được làm bằng vải vinylon tráng nhựa được sản xuất từ vải nền bằng vải vinylon có lớp keo tráng lót là keo PU (Polyurethane) và lớp nhựa bề mặt là PVC (có phụ gia), đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.27 Phụ lục B; - Ruột gói được làm bằng mút xốp màu trắng, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.28 Phụ lục B; - Màng mỏng PVC màu trắng đục mờ, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.29 Phụ lục B; - Van hơi: Bằng nhựa PVC mềm, loại van có nút giữ hơi, nút van được đúc liền với thân van bằng đai nhựa; - Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B; <p>Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B</p> |
| 16 | Ba lô Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Hình dáng: <ul style="list-style-type: none"> + Ba lô có hình khối, may bằng vải bạt, có 2 dây đeo gắn vào thân sau, 3 túi ốp ngoài (2 túi nhỏ và 1 túi giữa to); + Túi ở giữa gắn vào thân trước, 2 túi nhỏ gắn vào 2 bên sườn. Nắp túi to gắn khóa thang ngang bằng kim loại; dây cài khóa may ở giữa thân túi. Hai túi cạnh, giữa thân túi và nắp có dây buộc bằng vải bạt cùng nguyên liệu; + Phía trên miệng ba lô có 8 ô dê, chia đều khoảng cách để luồn dây buộc, có nắp và 2 dây cài khóa nắp ba lô; + Dưới vị trí chặn chân quai có chỗ cài đũa, hai bên sườn có dây buộc chiếu khi hành quân di chuyển; + Phía sau có 1 túi ốp; + Đáy ba lô có chặn dây nhồi và dây buộc xềng; + Dây buộc bụng ở mặt ngoài thân sau, may tại hai vị trí góc đáy ba lô. - Màu sắc: Xanh cô ban sẫm - Ba lô dân quân thường trực được sản xuất từ nguyên liệu chính là vải bạt Peco 2x1 màu xanh cô ban sẫm được sản xuất từ sợi có thành phần: <ul style="list-style-type: none"> + Sợi dọc được pha từ xơ Polyester (PET) và xơ Cotton (Co); + Sợi ngang được làm từ xơ Polyester (PET). - Các chỉ tiêu kỹ thuật của vải bạt Peco 2x1 được quy định tại Bảng B.30 Phụ lục B; - Vải may ốp lưng là vải Kate tráng nhựa PVC được sản xuất từ nán bằng vải Kate và nhựa PVC (có phụ gia). Là loại vải được cán ép nhựa trên nền vải sườn; đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.31 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 30/3 cùng màu nguyên liệu chính; - Khóa thang sắt mạ kẽm, màu trắng có kích thước như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Khóa to đường kính 0,3 cm: Chiều dài x chiều rộng là 2,4 cm x 1,8 cm; + Khóa nhỏ đường kính 0,25 cm: Chiều dài x chiều rộng là 2,1 cm x 1,8 cm. |

| | | |
|----|-------------------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ô dè: Chất liệu nhôm dẻo, màu trắng; đường kính ngoài 14mm, đường kính trong 10mm; - Đệm quai đeo (phần vai): + Đệm gai: Chiều dài x chiều rộng/1 cái là 25,7 cm x 5,7 cm; <p>Đệm vải bồi xốp: Chiều dày 3 mm, chắp làm 4 lớp</p> |
| 17 | Quần lót Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Quần lót dân quân thường trực kiểu 04 thân, ống quần xẻ. Thân trước ở giữa có viền lé bản rộng 2 mm và dọc bên sườn quần có 3 sọc chéo màu xanh da trời. Bên phải thân sau có 01 túi ốp ngoài, nắp miệng túi may lật ra ngoài có gắn nhám dính, đáy túi nhọn. Cạp quần may chun bản rộng 3 cm, ở giữa cạp có dây rút tăng cường đường kính 4 mm, cạp thân trước thừa 2 khuyết luôn dây rút tăng cường; - Màu sắc: Quần lót màu xanh cô ban - Vải may quần lót là Popelin Pevi tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.32 Phụ lục B; - Vải may viền lé, sọc là vải Kate, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B; - Chun quần: Chun lụa bản rộng 3 cm, độ giãn dài không lớn hơn 19 cm trên đoạn dài 10 cm; - Nhám dính: Nhám dính bản rộng 2 cm <p>Quần lót dân quân thường trực gồm 2 cỡ: Cỡ 4 và cỡ 5</p> |
| 18 | Áo lót Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Áo lót dân quân thường trực là kiểu áo chui đầu, ngắn tay, cổ tròn, màu xanh cô ban sẫm; - Vải thành phẩm may áo lót dân quân thường trực không bị các lỗi ngoại quan: <ul style="list-style-type: none"> + Về sợi: Lỗi sợi, sợi không đều, sợi khác lẫn vào; + Lỗi về cấu trúc: Sốt sợi, thủng lỗ, vết lằn, đường sọc vải, gút sợi; + Lỗi nhuộm: Đốm nhuộm hoặc sọc nhuộm, tông màu, loang màu, các lỗi khác - Áo được may từ vải CVC dệt kim đơn, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.34 Phụ lục B. Thành phần sợi được pha theo tỷ lệ PET/Co: 40/60 (Cotton chải kỹ), chỉ số sợi: Ne 36/1, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.33 Phụ lục B. Được xử lý nhuộm màu phân tán cho thành phần PET; nhuộm hoàn nguyên cho thành phần Cotton; hoàn tất làm mềm; phòng co: Đốt dầu xơ; - Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B |

| | | |
|----|-------------------------------|--|
| | | <p>Áo lót dân quân thường trực gồm các cỡ 90, 95, 100 và 110.</p> |
| 19 | Khăn mặt Dân quân thường trực | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Chất lượng, thông số đáp ứng theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ Quốc phòng về việc Ban hành tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ; - Khăn mặt dân quân thường trực phải đảm bảo các yêu cầu về ngoại quan, không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan nằm trong phạm vi cho phép: <ul style="list-style-type: none"> + Lỗi về sợi: Sợi không đều (dày mỏng), bị xù lông, vón cục, đứt đở sợi, sợi khác lẫn vào; + Lỗi về cấu trúc: Thủng lỗ, vết lằn, đường sọc vải, gút sợi; + Lỗi nhuộm: Đốm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi khác; + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách; + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang do ẩm, các lỗi khác. - Khăn mặt phải đảm bảo hình dáng cân đối, các góc phải vuông, các cạnh song song và bằng nhau. Khu vực nổi vòng sợi bông phải nằm chính giữa khăn; cách đều các cạnh của khăn; - Khăn mặt ở dạng nguyên chiếc không được can; - Màu sắc: Màu xanh cô ban sẫm - Khăn mặt dân quân thường trực được dệt từ sợi Cotton (Co) 100 %, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.35 Phụ lục B; <p>Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B</p> |
| 20 | Máy bộ đàm | <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu: - Xuất xứ: - Công suất phát RF (Cao/Thấp): 5W/1W - Dãy tần số: 136-174Mhz, 400-470 Mhz - Số lượng kênh: 32 kênh/2 vùng - Khoảng cách kênh: 12.5 kHz (Analog mode), 6.25 kHz (Digital mode). - Bước kênh: 5, 6.25 kHz - Tạp nhiễu: 70 dB - Méo điều chế (Rộng/Hẹp): 11K0F3E, 4K00F1E, 4K00F1D, 4K00F7W, 4K00F2D - Nhiễu FM (Rộng/Hẹp): 40 dB - Méo âm thanh: <10% - Độ nhạy thu (Rộng/ Hẹp): 0.25 μV/0.25 μ - Độ chọn lọc (Rộng/ Hẹp): 60 dB - Độ méo (Rộng/ Hẹp): 60 dB - Công suất âm thanh đầu ra: 1 W/12 Ω (Loa trong) 500mW / 8 Ω (Loa ngoài) - Điện áp sử dụng: 7.5 V DC \pm20 % - Thời gian sử dụng: Khoảng 12 giờ (pin KNB-45L) - Nhiệt độ làm việc: -30°C ~ +60°C - Độ ổn định tần số: \pm2.0ppm, \pm1.0ppm |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trở kháng Anten: 50 Ω - Chế độ gọi cá nhân/ gọi nhóm - Tích hợp tín hiệu MDC-1200 - Chuyển kênh, quét kênh, gọi khẩn cấp, khóa kênh bận - Đèn led hiển thị 4 màu (xanh dương, đỏ, da cam, xanh lá) - 2 phím PF - Loa thế hệ mới 1W - Thông báo Zone/CH bằng giọng nói - Tính năng truyền tín hiệu bằng giọng nói (VOX) - Cài đặt thời gian - Chế độ tiết kiệm pin - Cài đặt mật khẩu khóa máy - Copy truyền dữ liệu không dây - Sạc nhanh trong vòng 02 giờ - Dung lượng pin lớn 2000mAh giúp thời gian đàm thoại kéo dài. - Kích thước: 54 x 122 x 35.3 mm (KNB-45L) <p>Trọng lượng: 165g (Chỉ thân máy), 281g (Kèm Pin KNB-45L).</p> |
|--|---|

*** Ghi chú:**

Nhà thầu phải có bảng chào kỹ thuật đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa, phải được tham chiếu đến “dòng, trang” tài liệu kỹ thuật và Catalogue của hàng hóa chào thầu đính kèm trong E-HSDT. Trường hợp không có các tài liệu đối chiếu thì Chủ đầu tư có thể xem như là không đáp ứng.

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật.

Trường hợp nhà thầu dự thầu hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với E-HSMT thì nhà thầu phải chứng minh thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn bằng các tài liệu thử nghiệm của cơ quan kiểm định độc lập hoặc các dẫn chứng khoa học cụ thể từ các cơ quan kiểm định có uy tín hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương hoặc Nhà sản xuất chứng minh tương đương và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Cụm từ “tương đương” có ý nghĩa là đặc tính kỹ thuật tương đương, có tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ là tương đương với hàng hóa đã nêu.

- Có kèm Catalogue thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu, thể hiện đặc tính kỹ thuật, thông số phải phù hợp, logic với nội dung đề xuất kỹ thuật kê khai trong E-HSDT và đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, thông số kỹ thuật do nhà thầu cung cấp. Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật để chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu hoặc nếu phát hiện thông số tại tài liệu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT có sự khác biệt so với thông tin, thông số kỹ thuật của hãng sản xuất hoặc trường hợp cần thiết khác, là cơ sở để Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT. Mọi gian lận về hồ sơ, tài liệu, các thông số kỹ thuật của hàng hóa của nhà thầu là căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, tạo cảnh báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc chuyển các cơ quan chức năng xử lý theo quy định (theo khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP)

Trong trường hợp Catalogue không phải là bản tiếng Việt, thì nhà thầu phải kèm theo bản

dịch sang tiếng Việt, có chứng thực, xác nhận của đơn vị dịch thuật, trường hợp nhà thầu tự dịch sang tiếng Việt thì phải xác nhận bằng mộc đỏ của nhà thầu. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của những nội dung trong bản dịch). Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết)

- Trường hợp có thông số kỹ thuật trong E-HSMT yêu cầu nhưng không thể hiện trên catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thì nhà thầu phải cung cấp bảng kê và có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối, đại lý ủy quyền chính hãng (phải cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh là nhà phân phối, đại lý ủy quyền chính hãng kèm theo).

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng vào thời điểm giao hàng.

- Điều kiện về quyền sở hữu trí tuệ/nhãn hiệu hàng hóa: Nhà thầu phải chứng minh quyền hợp pháp đối với hàng hóa chào thầu. Cụ thể: Tối thiểu **50% số lượng danh mục hàng hóa** thuộc gói thầu phải có một trong các tài liệu sau: Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; hoặc Văn bản chấp nhận đơn đăng ký nhãn hiệu hợp lệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nhãn hiệu (hợp đồng ủy quyền, giấy phép sử dụng nhãn hiệu, văn bản xác nhận của chủ sở hữu nhãn hiệu). Trường hợp nhà thầu là đơn vị thương mại: Bắt buộc phải có **tài liệu chứng minh quyền phân phối hợp pháp** tương ứng với các hàng hóa nêu trên (Các tài liệu phải: Là bản sao có chứng thực hoặc bản scan từ bản gốc, Còn hiệu lực tại thời điểm đóng thầu, phải thể hiện rõ mối liên hệ với hàng hóa chào thầu. Các tài liệu chứng minh nêu trên là **cơ sở để đánh giá tính hợp lệ và tính đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa**, không được phép làm rõ, bổ sung sau thời điểm đóng thầu).

1.3/ Yêu cầu về kỹ thuật khác:

- Nhà thầu tham dự thầu và cung cấp hàng hóa phải đáp ứng Điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh theo Nghị định số 101/2022/NĐ-CP; có tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu này. Trong trường hợp cần thiết, Tổ chuyên gia, Chủ đầu tư có thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế hồ sơ, cơ sở vật chất của Nhà thầu, làm cơ sở để đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng/đáp ứng không đầy đủ yêu cầu này, E-HSĐT của nhà thầu sẽ được đánh giá là KHÔNG ĐẠT.

- Yêu cầu về năng lực sản xuất, kho xưởng lưu giữ hàng hóa:

+ Nhà thầu có hệ thống xưởng sản xuất, nhà kho bảo quản, dây chuyền sản xuất hàng may mặc (đối với nhà thầu sản xuất); hệ thống nhà kho bảo quản (đối với nhà thầu thương mại) được bố trí riêng biệt và được thiết kế xây dựng đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (Nhà xưởng sản xuất, nhà kho bảo quản của nhà thầu phải được thẩm duyệt thiết kế về PCCC (nếu có), hoặc đã được kiểm tra về hệ thống PCCC và được chấp thuận nghiệm thu về PCCC của cơ quan quản lý Nhà nước về PCCC (có Bản scan từ bản gốc hoặc Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận, bản vẽ thiết kế các tài liệu kèm theo để chứng minh).

- Nhà thầu phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất, có công suất phù hợp với quy mô sản xuất. Trường hợp nhà thầu không sở hữu hệ thống xử lý nước thải mà sử dụng hình thức **đi thuê**, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ: + Hợp đồng thuê hệ thống xử lý nước thải còn hiệu lực tại thời điểm đóng thầu, trong đó thể hiện rõ: Tên các bên, Công suất hệ thống phù hợp quy mô sản xuất + Biên bản vận hành hệ thống xử lý nước thải được tổ chức có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật, thể hiện: Hệ thống đang hoạt động thực tế, Đáp

ứng yêu cầu môi trường theo quy định; + giấy phép đơn vị xử lý + Có sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại khu vực sản xuất). Các tài liệu như yêu cầu nói trên phải được nộp trong E-HSĐT tại thời điểm đóng thầu là bản gốc hoặc bản sao hợp lệ, không chấp nhận làm rõ, bổ sung sau thời điểm đóng thầu đối với các tài liệu này. Trường hợp thiếu một trong các tài liệu nêu trên hoặc tài liệu không hợp lệ sẽ được xác định là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Đối với trường hợp nhà thầu thương mại, thì phải chứng minh được cơ sở sản xuất hàng hóa phải đáp ứng đầy đủ như yêu cầu này.

- Nhà thầu trình bày giải pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong quá trình sản xuất hàng hóa và quá trình thực hiện, triển khai hợp đồng.

- Để có cơ sở đánh giá về chất lượng hàng hoá theo yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra theo tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021 ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BQP về các tiêu chuẩn của Cục Quân nhu/Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng quy định. Nhà thầu phải nộp hàng mẫu cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian: Từ ngày làm việc thứ 05 đến hết ngày làm việc thứ 10 kể từ thời điểm đóng thầu (Nộp trước ngày thứ 05 hoặc sau ngày thứ 10 đều được xem là **không hợp lệ**). Thời điểm xác định theo biên bản giao nhận hàng mẫu. Hàng mẫu phải phù hợp hoàn toàn với hàng hóa chào trong E-HSĐT (về chủng loại, chất liệu, thông số kỹ thuật, xuất xứ, nhãn mác...). Hàng mẫu phải còn mới 100%, chưa qua sử dụng. (Danh mục hàng mẫu theo **PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG MẪU** của chương này). Địa điểm nhận hàng mẫu: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau – Địa chỉ: 500 Trần Văn Thời, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau. Trường hợp Nhà thầu không nộp hàng mẫu trong thời hạn quy định; hoặc Nộp không đầy đủ chủng loại, số lượng; hoặc Hàng mẫu không phù hợp với nội dung E-HSĐT hoặc không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu nói trên sẽ được xác định là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Có thuyết minh các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế, có thuyết minh và đề xuất thời gian thực hiện, cụ thể: - Biện pháp thu thập, triển khai lấy số đo, thông tin đặt hàng từ các Ban CHQS cấp xã trên địa bàn tỉnh; - Biện pháp nhập hàng hoặc sản xuất hàng hóa; - Biện pháp tập kết hàng hóa tại kho xưởng của nhà thầu trước khi vận chuyển bàn giao đến Chủ đầu tư đảm bảo tối ưu thời gian và chi phí - Biện pháp vận chuyển, đảm bảo chất lượng, biện pháp phòng cháy và chữa cháy – Phương án tập kết hàng hóa và lưu kho tại đơn vị sử dụng + Biện pháp PCCC và vệ sinh môi trường .

*** Tiêu chuẩn chất lượng**

Hàng hóa cung cấp phải được đánh giá, xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN/QS 1822:2021 và các yêu cầu khác theo quy định (cung cấp phiếu kết quả thử nghiệm để chứng minh)

- Hàng hóa cung cấp phải được đánh giá, xác nhận và công bố hợp quy phù hợp với yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2017/BCT (*trừ mặt hàng sao mũ; Dây lưng; Giày da đen, máy bộ đàm* - Hàng hóa sản xuất phải được đánh giá và xác nhận phù hợp tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015, hoặc tiêu chuẩn chất lượng tương đương (*cung cấp tài liệu chứng minh*))

Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa:

Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp, quy trình quản lý thực hiện các công việc trong phạm vi dịch vụ của gói thầu. Quản lý chất lượng nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp, quy trình quản lý chất lượng từ khi ký hợp đồng đến khi kết thúc bàn giao đảm bảo yêu cầu tốt nhất của chủ đầu tư. Quy trình và kế hoạch triển khai gói thầu: nhà thầu phải thuyết minh cụ thể các công việc phải thực hiện để đảm bảo các bước theo yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp kiểm soát nội bộ, tại các khâu trong quy trình thực hiện gói thầu. Thuyết minh Biện pháp vận

chuyển và bàn giao hàng hóa: phải nêu cụ thể phương pháp vận chuyển không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết và kế hoạch, phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa bão để không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa. Có thuyết minh phân tích cụ thể cách thức vận chuyển đến đơn vị sử dụng và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại E-HSMT. Thuyết minh rõ trách nhiệm các bên trong quá trình giao nhận. Nhà thầu phải thuyết minh rõ ràng, chi tiết, hợp lý về phương án đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa theo kế hoạch phù hợp với hiện trạng gói thầu.

Cam kết Sau khi triển khai chính thức, Nhà thầu phải cung cấp các phương thức hỗ trợ tại chỗ và từ xa, cung cấp tối thiểu 01 kênh tiếp nhận hỗ trợ 24x7 qua: điện thoại/fax hoặc thư điện tử,...cam kết thời gian đáp ứng và khắc phục sự cố hỗ trợ dưới 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo lỗi của Chủ đầu tư hoặc đơn vị chuyên trách quản lý hệ thống của Chủ đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ

Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Thuyết minh rõ quá trình, trách nhiệm của các bên trong quá trình giao nhận hàng hóa

- Hàng hóa sẽ được kiểm tra, thử nghiệm ngẫu nhiên theo một tỷ lệ nhất định của từng lô hàng. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ lấy mẫu đi kiểm tra thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật, kiểm tra đánh giá hàng hóa do Nhà thầu cung cấp theo tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021 ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BQP khi tiến hành bàn giao nghiệm thu hàng hóa. Mẫu và toàn bộ chi phí thử nghiệm do Nhà thầu chịu.

Thời gian kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá: Do Chủ đầu tư thông báo.

Nếu hàng hóa kiểm tra không đảm bảo chất lượng theo quy định hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ không nhận hàng và không thanh toán bất cứ chi phí nào có liên quan đến lô hàng

- Có cam kết bằng văn bản các nội dung sau:

+ Chi phí cho việc kiểm tra do nhà thầu chịu trách nhiệm.

+ Nếu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu, tùy tình hình cụ thể bên mua sẽ đưa ra yêu cầu cụ thể, bên cung cấp có trách nhiệm đáp ứng.

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG MẪU

| TT | TÊN HÀNG HOÁ | ĐVT | SỐ LƯỢNG YÊU CẦU | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----------|---------------------------------|------------|-----------------------------|---|
| 1 | Mũ cứng | Cái | 1 | Theo yêu cầu tại Chương V – yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT |
| 2 | Mũ mềm | Cái | 1 | |
| 3 | Quần, áo cán bộ | Bộ | 1 | |
| 4 | Quần áo chiến sỹ | Bộ | 1 | |
| 5 | Dây lưng | Cái | 1 | |
| 6 | Bít tất | Đôi | 1 | |
| 7 | Giày da đen | Đôi | 1 | |
| 8 | Giày vải cao cổ | Đôi | 1 | |
| 9 | Áo, quần đi mưa cán bộ | Bộ | 1 | |
| 10 | Áo mưa chiến sỹ | Cái | 1 | |
| 11 | Màn đơn Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 12 | Chăn đơn Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 13 | Chiếu cói Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 14 | Đệm giường Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 15 | Gối Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 16 | Ba lô Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 17 | Quần lót Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 18 | Áo lót Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 19 | Khăn mặt Dân quân thường trực | Cái | 1 | |
| 20 | Máy bộ đàm | Cái | 1 | |